TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

2. Ông Lăng Đức Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lăng Đức Lan - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vự 5 – Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Xuân H, sinh năm 1993; số CCCD: 002093001966, cấp ngày 01/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH-BCA; "có mặt".

- Bị đơn: Chị Lý Thị P, sinh năm 1993; số CCCD: 002193002028, cấp ngày 01/5/2021, nơi cấp: nơi cấp: Cục C về TTXH-BCA; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

Cùng trú tại: Đ, thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là đội D, thôn K, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2024 và tại phiên toà anh Hoàng Xuân H trình bày: Anh và chị Lý Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2014 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang). Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau, chị P ghen tuông vô cớ, gây ảnh hưởng đến công việc của anh, khi anh đi làm ăn xa, vợ anh ở nhà gây mất đoàn kết với mẹ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Hiện tại anh thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có ba con chung là cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/8/2014, cháu Hoàng Thảo N1, sinh ngày 16/5/2019, cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 05/11/2023 hiện nay cả 03 cháu đang sinh sống cùng với anh, anh có công việc ổn định, có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, còn chị P không có công việc và thu nhập ổn định. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, cháu N1 và cháu M cho đến khi cháu N, cháu N1 và cháu M đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lý Thị P vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, chị P đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo hợp lệ thông qua việc tống đạt văn bản trực tiếp nhiều lần nhưng chị P không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai đưa quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 22/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang) với bà Đặng Thúy N2 - Trưởng thôn Kè Nhạn, xã Đ; ông Nguyễn Minh T là Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã Đ; Công an xã Đ nơi anh H và chị P sinh sống và bà Đỗ Thị M1 là mẹ đẻ anh H phản ánh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con của anh chị như sau:

Anh Hoàng Xuân H và chị Lý Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2014 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh H và chị P sống chung cùng gia đình anh H. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình anh chị không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ

chồng thiếu sự tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung là cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/8/2014, cháu Hoàng Thảo N1, sinh ngày 16/5/2019, cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 05/11/2023, hiện nay anh H có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, còn chị P là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, anh H và chị P chung sống cùng gia đình anh H, hiện con chung của chị phương, anh H đang sống chung cùng gia đình anh H, quá trình chung sống tại gia đình anh H đều đảm bảo cho cuộc sống của các cháu và các cháu đều được đảm bảo việc đi học, chị P thời gian này không có mặt tại gia đình anh H; Về tài sản chung và công nợ, do anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Xuân H, anh Hoàng Xuân H được ly hôn với chị Lý Thị P.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/8/2014, cháu Hoàng Thảo N1, sinh ngày 16/5/2019, cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 05/11/2023 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Hoàng Xuân H có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn chị Lý Thị P, căn

cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn chị Lý Thị P có nơi cư trú tại đội D, thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là đội D, thôn K, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang), căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị P vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lý Thị P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Xuân H và chị Lý Thị P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa anh H và chị P là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình anh chị không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Trên thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị P vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh H. Anh H xác định không còn tình cảm với chị P, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh H kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Xuân H.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có ba con chung là cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/8/2014, cháu Hoàng Thảo N1, sinh ngày 16/5/2019, cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 05/11/2023, hiện nay cả 03 cháu đang sinh sống cùng với anh H. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 cháu cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh H đang nuôi cháu N, cháu N1 và cháu M tại nhà của anh H, bản thân anh H có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, còn chị P là lao động tự do, không có công việc và thu nhập và nơi ở ổn định, quá trình con chung của anh chị sinh sống tại gia đình anh H đều được anh H đảm bảo mọi mặt cho cuộc sống của các

cháu và các cháu đều được đảm bảo việc đi học, sinh hoạt hàng ngày, còn chị P thời gian này không có mặt tại gia đình anh H, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu N, cháu N có nguyện vọng được ở với anh H. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu N, cháu N1, cháu M và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu N, cháu N1 và cháu M cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lý Thị P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Hoàng Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hoàng Xuân H. Anh Hoàng Xuân H được ly hôn chị Lý Thị P.

2. Về việc nuôi con chung: Anh Hoàng Xuân H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/8/2014, cháu Hoàng Thảo N1, sinh ngày 16/5/2019, cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 05/11/2023 cho đến khi cháu N, cháu N1 và cháu M đủ 18 tuổi; chị Lý Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh H, chị P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí Anh Hoàng Xuân H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc

Quang (nay là Phòng THADS khu vực 5 – Tuyên Quang) theo biên lai thu số: 0002188, ngày 06/01/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đồng Yên (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh